

Phụ lục
Giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày 02/07/2026 của UBND xã Sơn Tịnh)

TT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng theo Quyết định đầu tư	Chủ đầu tư	Mã số dự án	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư dự án			Kế hoạch vốn đầu tư công trong hạn giải ngân 2021 - 2025	Ước giá trị ngân sách kế hoạch năm trước	Kế hoạch vốn năm 2026			Tiết kiệm 5% vốn phân cấp	Kế hoạch vốn giao năm 2026			Đã giải ngân đến hết tháng 30/06/2026			Còn lại			Tỷ lệ %			Ghi chú
						Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng	Vốn phân cấp	Vốn quỹ đất		Tổng	Vốn phân cấp	Vốn quỹ đất	Tổng	Vốn phân cấp	Vốn quỹ đất	Tổng	Vốn phân cấp	Vốn quỹ đất	Tổng	Vốn phân cấp	Vốn quỹ đất	
							Tổng số	Trong đó: Phần vốn ngân sách nhà nước																			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	16	17	18	16	17	18	16	17	18	19
	Kế hoạch vốn năm 2026						9.350.000.000	9.350.000.000	1.550.000.000	700.000.000	8.350.000.000	3.000.000.000	5.350.000.000	150.000.000	8.200.000.000	2.850.000.000	5.350.000.000	4.557.751.818	2.376.629.900	2.181.121.918	3.642.248.182	473.378.100	3.168.878.082	55,58	83,39	202	0
I	Bổ trí trả nợ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026						1.550.000.000	1.550.000.000	1.550.000.000	700.000.000	550.000.000	550.000.000	0	0	550.000.000	550.000.000	0	498.413.800	498.413.800	0	51.586.200	51.586.200	0	96,62	96,62	0	0
1	Tuyến ngõ Huỳnh Tấn - ngõ 3 Dư - ngõ Trừ (622C)	Xã Tịnh Bình (cũ)	Phòng Kinh tế xã Sơn Tịnh	8149146	2025-2027	12/NQ-HĐND ngày 24/4/2025	750.000.000	750.000.000	750.000.000	484.000.000	266.000.000	266.000.000			266.000.000	266.000.000		247.635.000	247.635.000		18.365.000	18.365.000		93,10	93,10		
2	Kênh Trạm Bơm cây Dừa (kéo dài)	Xã Tịnh Sơn (cũ)	Phòng Kinh tế xã Sơn Tịnh	8153183	2025-2027	3079/QĐ-UBND ngày 30/1/2025	800.000.000	800.000.000	800.000.000	216.000.000	284.000.000	284.000.000			284.000.000	284.000.000		250.778.800	250.778.800		33.221.200	33.221.200		88,30	88,30		
II	Giao kế hoạch vốn năm 2026						7.800.000.000	7.800.000.000	0	0	7.800.000.000	2.450.000.000	5.350.000.000	150.000.000	7.650.000.000	2.300.000.000	5.350.000.000	4.659.338.818	1.878.216.100	2.181.121.918	3.596.661.982	421.783.900	3.168.878.082	515	313	202	
1	Nâng cấp tuyến đường từ giáp Quốc lộ 24B (Trường Mầm non Hoa Sen) - Giáp tuyến đường Chợ Mới – Chợ Đình – Phước Lộc, thôn Lâm Lộc Nam, xã Sơn Tịnh	Xã Sơn Tịnh	Phòng Kinh tế xã Sơn Tịnh	8188130	2026-2028	QĐ 1899/QĐ-UBND ngày 16/12/2025	1.700.000.000	1.700.000.000			1.700.000.000	750.000.000	950.000.000	50.000.000	1.650.000.000	700.000.000	950.000.000	1.506.933.000	694.999.600	811.933.400	143.067.000	5.000.400	138.066.600	184,75	99,29	85,47	
2	Nâng cấp tuyến đường ngõ ông Dũng – Ngõ ông Triều, thôn Lâm Lộc Nam, xã Sơn Tịnh	Xã Sơn Tịnh	Phòng Kinh tế xã Sơn Tịnh	8188129	2026-2028	QĐ 1900/QĐ-UBND ngày 16/12/2025	1.300.000.000	1.300.000.000			1.300.000.000	500.000.000	800.000.000	30.000.000	1.270.000.000	470.000.000	800.000.000	82.516.500	82.516.500	0	1.187.483.500	387.483.500	800.000.000	17,56	17,56	0,00	
3	Cải tạo, san nền, sân vườn, tường rào và một số hạng mục khác trường Tiểu học Tịnh Hà (phần hiệu Tho Lộc cũ) thành điểm sinh hoạt cộng đồng	Xã Sơn Tịnh	Phòng Kinh tế xã Sơn Tịnh	8188194	2026-2028	QĐ 1901/QĐ-UBND ngày 16/12/2025	1.100.000.000	1.100.000.000			1.100.000.000		1.100.000.000		1.100.000.000	0	1.100.000.000	348.176.000	0	348.176.000	751.824.000	0	751.824.000	31,65		31,65	
4	Nâng cấp, sửa chữa tuyến đường Tịnh Hà – Tịnh Bắc (DH14), đoạn qua xã Sơn Tịnh	Xã Sơn Tịnh	Phòng Kinh tế xã Sơn Tịnh	8188128	2026-2028	QĐ 1902/QĐ-UBND ngày 16/12/2025	2.500.000.000	2.500.000.000			2.500.000.000	750.000.000	1.550.000.000	40.000.000	2.260.000.000	710.000.000	1.550.000.000	1.226.053.000	681.908.000	544.145.000	1.033.947.000	28.092.000	1.005.855.000	131,15	96,04	35,11	
5	Lắp dựng mái hiên, sửa chữa một số hạng mục khác Trường Mầm non Tịnh Bình	Xã Sơn Tịnh	Phòng Kinh tế xã Sơn Tịnh	8189032	2026-2028	QĐ 1903/QĐ-UBND ngày 16/12/2025	1.400.000.000	1.400.000.000			1.400.000.000	450.000.000	950.000.000	30.000.000	1.370.000.000	420.000.000	950.000.000	895.659.518	418.792.000	476.867.518	474.340.482	1.208.000	473.132.482	149,91	99,71	50,20	

- Tiết kiệm 5% nguồn vốn phân cấp theo khoản 3 Điều 2 Quyết định 2691/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ ngày 10/12/2025

- Nguồn vốn quỹ đất được UBND tỉnh giao tại Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 09/12/2025

- Nguồn vốn phân cấp được UBND tỉnh giao tại Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 09/12/2025

